

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC THÚ Y CAI LẬY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/CBTT-MKV

Tiền Giang, ngày 13 tháng 08 năm 2022



CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty niêm yết: Công ty cổ phần Dược Thú y Cai Lay
2. Mã chứng khoán : MKV
3. Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai lay, tỉnh Tiền Giang
4. Điện thoại: 02733710769 Fax: 02733826363 Email: info@cailayvetco.com
5. Người công bố thông tin:
 - Họ và tên: Nguyễn Anh Tuấn
 - Địa chỉ: 55, Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
 - Điện thoại: 0983456775

6. Loại hình công bố:

☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

7. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lay được lập ngày 12 tháng 08 năm 2022 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

8. Thông tin này đã được đăng thông tin điện tử của công ty www.cailayvetco.com. Chúng tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố.

TUQ. CHỦ TỊCH HĐQT
Người công bố thông tin

Nguyễn Anh Tuấn

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 29

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập	
Ông Lê Thành Nam	Thành viên độc lập	
Ông Ngô Phú Thỏa	Thành viên độc lập	từ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Ông Đào Mạnh Hòa	Thành viên độc lập	từ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng ban
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đào Mạnh Lương.

Ông Đỗ Văn Tài được ông Đào Mạnh Lương ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 01/UQ/CTHĐQT-MKV ngày 1 tháng 1 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Đỗ Văn Tài
Giám đốc

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61722613/66688106 -LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") được lập ngày 12 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		61.536.066.287	59.905.539.646
110	I. Tiền	4	1.350.702.558	3.069.292.957
111	1. Tiền		1.350.702.558	3.069.292.957
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	6.000.000.000	6.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.000.000.000	6.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.090.390.088	20.903.950.833
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	22.024.457.073	17.553.689.291
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.845.984.440	3.188.870.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	219.948.575	161.391.542
140	IV. Hàng tồn kho	9	29.046.531.699	28.753.119.238
141	1. Hàng tồn kho		29.196.651.547	29.123.276.952
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(150.119.848)	(370.157.714)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.048.441.942	1.179.176.618
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	871.904.864	704.997.757
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13	-	147.488.868
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	176.537.078	326.689.993
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		44.503.054.951	48.659.999.858
220	I. Tài sản cố định		43.717.852.964	47.800.486.082
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	43.717.852.964	47.800.486.082
222	Nguyên giá		101.165.897.669	101.165.897.669
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(57.448.044.705)	(53.365.411.587)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		260.000.000	260.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(260.000.000)	(260.000.000)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		47.072.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		47.072.000	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		738.129.987	859.513.776
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	738.129.987	859.513.776
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		106.039.121.238	108.565.539.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		36.249.024.814	40.849.434.167
310	I. Nợ ngắn hạn		34.749.024.814	39.349.434.167
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	9.369.713.192	5.636.759.562
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		39.194.206	12.079.124
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	632.209.650	133.261.474
314	4. Phải trả người lao động		1.303.493.206	1.235.229.752
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.675.124.066	7.823.361.838
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	45.343.000	39.361.550
320	7. Vay ngắn hạn	16	19.721.178.575	24.506.611.948
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(37.231.081)	(37.231.081)
330	II. Nợ dài hạn		1.500.000.000	1.500.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	1.500.000.000	1.500.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		69.790.096.424	67.716.105.337
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	69.790.096.424	67.716.105.337
411	1. Vốn cổ phần		50.000.380.000	50.000.380.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.380.000	50.000.380.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(380.000)	(380.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		69.863.124	69.863.124
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.720.233.300	17.646.242.213
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		17.646.242.213	10.117.749.294
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		2.073.991.087	7.528.492.919
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		106.039.121.238	108.565.539.504

Nguyễn Thị Mộng Duyên
Người lập

Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng

Ngày 12 tháng 8 năm 2022





Đỗ Văn Tài
Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	59.696.126.737	71.620.621.062
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(3.275.933.721)	(6.105.961.575)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	56.420.193.016	65.514.659.487
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(41.104.967.422)	(49.913.857.340)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.315.225.594	15.600.802.147
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	127.408.596	5.644.836
22 23	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	20	(2.246.151.087) (553.075.463)	(1.509.315.866) (226.837.134)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(6.952.861.902)	(6.343.178.035)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(3.462.649.985)	(3.327.206.904)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.780.971.216	4.426.746.178
31	11. Thu nhập khác		3.406.726	-
32	12. Chi phí khác		(78.098.750)	(5.180.732)
40	13. Lỗ khác		(74.692.024)	(5.180.732)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.706.279.192	4.421.565.446
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(632.288.105)	(885.349.237)
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		2.073.991.087	3.536.216.209
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	415	707
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25	415	707


Nguyễn Thị Mộng Duyên
Người lập


Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Tài
Giám đốc



Ngày 12 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.706.279.192	4.421.565.446
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao vào hao mòn	9,10	4.082.633.118	4.219.027.766
03	Hoàn nhập dự phòng		(220.037.866)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(97.269.096)	(5.390.586)
06	Chi phí lãi vay	20	553.075.463	226.837.134
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.024.680.811	8.862.039.760
09	Tăng các khoản phải thu		(2.847.767.334)	(2.589.530.868)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(73.374.595)	4.678.503
11	Giảm các khoản phải trả		(352.401.813)	(920.349.809)
12	Tăng chi phí trả trước		(45.523.318)	(972.667.437)
14	Tiền lãi vay đã trả		(572.525.219)	(235.402.515)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(75.412.516)	(372.739.010)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.057.676.016	3.776.028.624
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(47.072.000)	-
23	Tiền gửi có kỳ hạn		-	(6.000.000.000)
27	Thu lãi tiền gửi		56.238.958	5.390.586
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		9.166.958	(5.994.609.414)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	16	24,218,650,152	19.317.698.508
34	Tiền trả nợ gốc vay	16	(29,004,083,525)	(11.585.031.521)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(4.785.433.373)	7.732.666.987

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.718.590.399)	5.514.086.197
60	Tiền đầu kỳ		3.069.292.957	3.732.130.227
70	Tiền cuối kỳ	4	1.350.702.558	9.246.216.424



Nguyễn Thị Mộng Duyên
Người lập



Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 118 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 114 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất.
kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền thuê cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.15 Thông tin bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	231.879.896	362.025.878
Tiền gửi ngân hàng	1.118.822.662	2.707.267.079
TỔNG CỘNG	1.350.702.558	3.069.292.957

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, có kỳ hạn gốc năm (5) tháng và hưởng lãi suất 3.2%/năm. Công ty đã thể chấp toàn bộ khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn nhằm đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 15.1).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu từ bên khác	22.013.457.073	17.520.689.291
- Công ty Cổ phần Thú y Châu Giang	18.464.412.590	12.109.823.011
- Trang trại Đỗ Quốc Dũng	689.787.000	485.175.600
- Cửa hàng Thuốc Thú y số 2	447.946.628	358.269.668
- Công ty TNHH Thuốc thú y TW I	243.295.989	473.940.533
- Công ty Cổ phần Công nghệ mới Nông nghiệp Phồn Thịnh	59.535.000	420.195.405
- Khác	2.108.479.866	3.673.285.074
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 24)	11.000.000	33.000.000
TỔNG CỘNG	22.024.457.073	17.553.689.291
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN	22.024.457.073	17.553.689.291

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty TNHH Dược Mặt Trời	1.667.004.000	3.088.000.000
Khác	178.980.440	100.870.000
TỔNG CỘNG	1.845.984.440	3.188.870.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tạm ứng nhân viên	178.918.437	119.503.982
Khác	41.030.138	41.887.560
TỔNG CỘNG	219.948.575	161.391.542

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.216.599.485	-	20.086.242.082	-
Thành phẩm	5.548.177.683	(150.119.848)	8.165.788.981	(370.157.714)
Hàng hoá	431.874.379	-	871.245.889	-
TỔNG CỘNG	29.196.651.547	(150.119.848)	29.123.276.952	(370.157.714)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	(370.157.714)	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	220.037.866	-
Số cuối kỳ	(150.119.848)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	36.887.812.125	59.655.417.093	4.622.668.451	101.165.897.669
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.380.388.465	4.113.342.510	2.556.070.090	8.049.801.065
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(10.386.646.870)	(38.775.541.343)	(4.203.223.374)	(53.365.411.587)
Khấu hao trong kỳ	(801.160.609)	(3.041.449.400)	(240.023.109)	(4.082.633.118)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	(11.187.807.479)	(41.816.990.743)	(4.443.246.483)	(57.448.044.705)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	26.501.165.255	20.879.875.750	419.445.077	47.800.486.082
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	25.700.004.646	17.838.426.350	179.421.968	43.717.852.964

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy của Công ty cho Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội nhằm đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Mavin Austfeed, công ty đồng chủ sở hữu với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	871.904.864	704.997.757
Công cụ, dụng cụ	290.548.125	49.523.935
Chi phí sửa chữa, bảo trì	224.947.676	-
Chi phí bảo hiểm	99.191.471	17.076.767
Khác	257.217.592	638.397.055
Dài hạn	738.129.987	859.513.776
Chi phí sửa chữa	353.828.889	459.977.556
Công cụ, dụng cụ	186.696.461	340.493.164
Khác	197.604.637	59.043.056
TỔNG CỘNG	1.610.034.851	1.564.511.533

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả cho bên khác	7.261.713.192	4.628.759.562
- Công ty TNHH Lva Việt Nam	3.127.896.304	-
- Công ty TNHH Hóa chất Navy	844.410.551	527.000.530
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hải Đăng	486.339.969	885.500.210
- Công ty Cổ phần BMT Quốc tế	170.500.000	545.426.640
- Khác	2.632.566.368	2.670.832.182
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	2.108.000.000	1.008.000.000
TỔNG CỘNG	9.369.713.192	5.636.759.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tiền thuê đất	(104.675.034)	68.865.153	(115.693.460)	(151.503.341)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(157.176.426)	632.288.105	(75.412.516)	399.699.163
Thuế giá trị gia tăng	(30.438.561)	3.391.409.103	(3.146.409.492)	214.561.050
Thuế thu nhập cá nhân	133.261.474	477.461.732	(592.773.769)	17.949.437
Các khoản phải nộp khác	(34.399.972)	38.522.878	(29.156.643)	(25.033.737)
TỔNG CỘNG	(193.428.519)	4.608.546.971	(3.959.445.880)	455.672.572
Trong đó:				
Phải thu	(326.689.993)			(176.537.078)
Phải nộp	133.261.474			632.209.650

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chiết khấu phải trả	2.979.985.320	6.378.598.963
Lương tháng 13, thưởng hiệu suất	377.160.153	1.026.478.143
Thù lao Hội đồng Quản trị	82.000.000	180.000.000
Khác	235.978.593	238.284.732
TỔNG CỘNG	3.675.124.066	7.823.361.838
Trong đó:		
Phải trả cho các bên khác	3.675.124.066	7.823.361.838
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	-	-

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	45.343.000	39.361.550
Khác	45.343.000	39.361.550
Dài hạn	1.500.000.000	1.500.000.000
Cổ tức phải trả (*)	1.500.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	1.545.343.000	1.539.361.550

(*) Cổ tức phải trả theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông năm 2016 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 2/BB-HĐQT/MKV ngày 3 tháng 4 năm 2017. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 6/2021/NQHĐQT-MKV ngày 28 tháng 7 năm 2021. Hội đồng Quản trị đã gia hạn thời hạn chi trả cổ tức này trong vòng 3 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY NGẮN HẠN

VND

	Vay ngân hàng	Vay cá nhân	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	19.506.611.948	5.000.000.000	24.506.611.948
Vay trong kỳ	24.218.650.152	-	24.218.650.152
Trả trong kỳ	(24.004.083.525)	(5.000.000.000)	(29.004.083.525)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	19.721.178.575	-	19.721.178.575

Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(%/năm)	
Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	19.721.178.575	Từ ngày 17 tháng 7 năm 2022 đến ngày 23 tháng 11 năm 2022	5% - 5,3%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của Công ty và bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin, công ty mẹ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	10.117.749.294	60.187.612.418
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	7.528.492.919	7.528.492.919
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>50.000.380.000</u>	<u>(380.000)</u>	<u>69.863.124</u>	<u>17.646.242.213</u>	<u>67.716.105.337</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	17.646.242.213	67.716.105.337
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.073.991.087	2.073.991.087
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>50.000.380.000</u>	<u>(380.000)</u>	<u>69.863.124</u>	<u>19.720.233.300</u>	<u>69.790.096.424</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	5.000.038	5.000.038
Cổ phiếu đã phát hành	5.000.038	5.000.038
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.038</i>	<i>5.000.038</i>
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	38	38
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38</i>	<i>38</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Doanh thu gộp	59.696.126.737	71.620.621.062
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	59.624.876.737	71.391.206.742
Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển	71.250.000	229.414.320
Các khoản giảm trừ	(3.275.933.721)	(6.105.961.575)
Chiết khấu thương mại	(3.246.722.621)	(5.988.065.904)
Hàng bán bị trả lại	(29.211.100)	(117.895.671)
Doanh thu thuần	56.420.193.016	65.514.659.487
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	56.348.943.016	65.285.245.167
Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển	71.250.000	229.414.320
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	56.420.193.016	65.311.945.167
Doanh thu đối với bên liên quan	-	202.714.320
(Thuyết minh số 24)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Lãi tiền gửi	97.269.096	5.390.586
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	30.139.500	254.250
TỔNG CỘNG	127.408.596	5.644.836

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	41.067.111.833	49.712.550.631
Giá vốn cho thuê xe và vận chuyển	37.855.589	201.306.709
TỔNG CỘNG	41.104.967.422	49.913.857.340

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Chiết khấu thanh toán	1.689.899.124	1.282.478.732
Chi phí lãi vay	553.075.463	226.837.134
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.176.500	-
TỔNG CỘNG	2.246.151.087	1.509.315.866

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Chi phí bán hàng	6.952.861.902	6.343.178.035
Chi phí nhân viên	3.014.721.253	2.613.489.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.011.312.848	2.982.176.978
Chi phí khấu hao	205.128.222	197.988.914
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.656.204	414.119.549
Khác	1.703.043.375	135.403.351
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.462.649.985	3.327.206.904
Chi phí nhân viên	1.600.410.849	1.729.466.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.546.528.682	1.233.385.009
Chi phí công cụ, dụng cụ	101.566.600	93.003.642
Chi phí khấu hao	2.850.000	69.946.688
Chi phí khác	211.293.854	201.405.376
TỔNG CỘNG	10.415.511.887	9.670.384.939

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	29.312.413.702	34.907.581.055
Chi phí nhân viên	8.510.448.625	8.508.511.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.655.713.965	5.504.335.018
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 9)	4.082.633.118	4.219.027.766
Chi phí khác	2.425.291.723	1.053.529.534
TỔNG CỘNG	48.986.501.133	54.192.985.077

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Chi phí thuế TNDN trong năm	556.875.589	885.349.237
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	75.412.516	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	632.288.105	885.349.237

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.706.279.192	4.421.565.446
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	541.255.838	884.313.089
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	15.619.751	1.036.148
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	75.412.516	-
Chi phí thuế TNDN	632.288.105	885.349.237

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Mavin Austfeed	Đồng chủ sở hữu
Công ty TNHH Austfeed Bình Định	Đồng chủ sở hữu
Công ty TNHH Liên doanh Mavin Austfeed	Đồng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Mavin Duckfarm	Đồng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mavin	Đồng chủ sở hữu
Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Đào Mạnh Ưởng	Bố của ông Đào Mạnh Lương
Bà Phan Thị Hạnh	Mẹ của ông Đào Mạnh Lương
Bà Triệu Thị Quỳnh Thư	Vợ của ông Đào Mạnh Lương
Ông Lê Thành Nam	Thành viên HĐQT
Ông Lê Thành Hưng	Bố của ông Lê Thành Nam
Bà Nguyễn Thị Nhung	Mẹ của ông Lê Thành Nam
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Vợ của ông Lê Thành Nam
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thu Phú	Mẹ của ông Nguyễn Anh Tuấn
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Vợ của ông Nguyễn Anh Tuấn
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban kiểm soát ("BKS")
Ông Đào Mạnh Hiếu	Chồng của bà Vũ Thị Hồng Nhung
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Trâm	Mẹ của ông Thân Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Tám	Vợ của ông Thân Văn Dũng
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên BKS
Ông Trần Văn Bảy	Bố của bà Trần Thị Kiều Chinh
Bà Nguyễn Thị Một	Mẹ của bà Trần Thị Kiều Chinh
Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	1.100.000.000	504.000.000
Công ty TNHH Liên doanh Mavin Austfeed	Đồng chủ sở hữu	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu Cung cấp dịch vụ	34.448.106 -	14.021.600 60.000.000
Công ty Cổ phần Mavin Austfeed	Đồng chủ sở hữu	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	-	650.000.000
Công ty TNHH Austfeed Bình Định	Đồng chủ sở hữu	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	-	109.053.790
Công ty Cổ phần Mavin Duckfarm	Đồng chủ sở hữu	Cung cấp dịch vụ	-	82.714.320
Công ty Cổ Phần Chăn nuôi Mavin	Đồng chủ sở hữu	Cung cấp dịch vụ	-	60.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty TNHH Liên doanh Mavin Austfeed	Đồng chủ sở hữu	Bán hàng hóa và dịch vụ	11.000.000	11.000.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mavin	Đồng chủ sở hữu	Bán hàng hóa và dịch vụ	-	22.000.000
TỔNG CỘNG			11.000.000	33.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Marvin	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	2.108.000.000	1.008.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Giám đốc và Ban kiểm soát ("BKS") bao gồm lương, thù lao và các chi phí liên quan như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Đào Mạnh Hòa	Thành viên HĐQT	8.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Ông Lê Thành Nam	Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Ông Ngô Phú Thỏa	Thành viên HĐQT	8.000.000	12.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên BKS	127.312.455	6.000.000
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên BKS	114.246.923	6.000.000
Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc	422.547.000	392.081.043
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc	248.597.000	186.311.000
TỔNG CỘNG		982.703.378	668.392.043

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.073.991.087	3.536.216.209
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi trên cổ phiếu	5.000.000	5.000.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	415	707
- Lãi suy giảm	415	707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trong vòng 1 năm	165.276.371	165.276.371
Từ 2 năm đến 5 năm	826.381.855	826.381.855
Trên 5 năm	2.455.896.129	2.538.534.314
TỔNG CỘNG	3.447.554.355	3.530.192.540

Cam kết cho thuê hoạt động

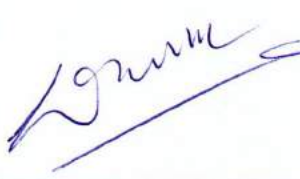
Công ty hiện đang cho thuê xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản tiền thuê tối thiểu hàng năm trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động là 114.000.000 VND.


27. ĐẠI DỊCH COVID-19


Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.


 Nguyễn Thị Mộng Duyên
 Người lập


 Võ Thị Lệ Trinh
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Tài
 Giám đốc



Ngày 12 tháng 8 năm 2022